



BÁO CÁO | 2015

THƯỜNG NIÊN



NỘI DUNG

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
I. THÔNG TIN CHUNG	4
1. Thông tin khái quát	4
2. Lịch sử hình thành và phát triển	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	6
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	11
5. Định hướng phát triển	13
6. Quản trị rủi ro.....	14
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	15
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	15
2. Tổ chức và nhân sự	17
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	19
4. Tình hình tài chính.....	20
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	21
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	22
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	22
2. Tình hình tài chính.....	22
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	23
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	23
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	24
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	26
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	26
2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc.....	26
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	26
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	27
1. Hội đồng quản trị	27
2. Ban Kiểm soát.....	29
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	30
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	31

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị,

Thay mặt HĐQT của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood), tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới toàn thể Quý vị Cổ đông, Khách hàng, Đối tác kinh doanh và các cơ quan, đoàn thể đã ủng hộ, gắn bó và cùng với Interfood vượt qua những trở ngại để hoàn thành mục tiêu đã đề ra trong năm 2015.

Trong các năm qua, Interfood thực hiện một nhiều nỗ lực để nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát chi phí, cơ cấu lại các quy trình quản lý bán hàng cũng như vượt qua nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh bằng việc huy động mọi nguồn lực của IFS và sự hỗ trợ từ Tập đoàn Kirin.

Trong năm 2016, IFS sẽ chuyển sang một bước phát triển mới với mục tiêu tăng trưởng doanh thu đạt 2 con số (trên mức tăng trưởng trung bình của toàn ngành) cùng với việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu giúp Công ty có được nền tảng quản lý vững chắc. Sau khi đạt được những mục tiêu này, Interfood sẽ tập trung vào đầu tư, phát triển cơ cấu tổ chức và mở rộng kinh doanh với mục tiêu trở thành Công ty hàng đầu trên thị trường.

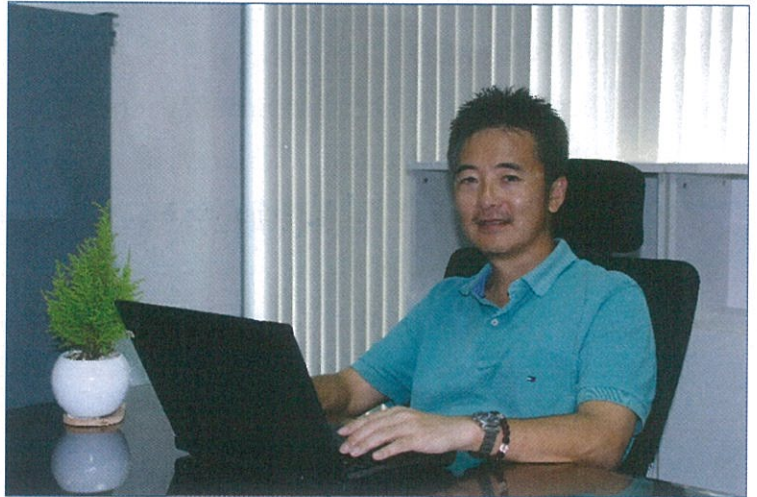
Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị.

Kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công.

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



TORU YAMASAKI



I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600245631
- Vốn điều lệ: 871.409.920.000 VNĐ
- Địa chỉ: Lô 13, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai
- Số điện thoại: 0613 511 138 - Fax: 0613 512 498
- Website: www.wonderfarmonline.com
- Mã cổ phiếu: IFS

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1991 Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế (“IFPI”) – được thành lập vào ngày 16/11/1991 theo giấy phép đầu tư số. 270/GP được cấp bởi Ủy ban Nhà nước về Hợp Tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư). IFPI là Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài và hoạt động theo luật Đầu Tư Nước Ngoài tại Việt Nam. IFPI hoàn toàn sở hữu bởi Trade Ocean Exporters Sdn Bhd (Penang, Malaysia). Vào năm 1996, IFPI đổi chủ sở hữu sang Công ty Trade Ocean Holding Sdn Bhd (Penang, Malaysia) theo giấy phép số 270/GPDC5 ngày 26/02/1996 được cấp bởi Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư.

Hoạt động chính ban đầu của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm để xuất khẩu với tổng vốn đầu tư ban đầu là 1.140.000 đô la Mỹ.

1994 Công ty mở rộng kinh doanh bằng việc thâm nhập vào thị trường bánh.

2003 Công ty được phép sản xuất các sản phẩm nước trái cây có ga và nước trái cây có độ cồn nhẹ (5%); vốn đầu tư của Công ty tăng lên thành 23.000.000 đô la Mỹ.

2004 Tháng 4/2004, Interfood ký hợp đồng sản xuất với AVA Food Industries Ltd. để giảm bớt sự hạn chế về mặt bằng, nhà xưởng và vật tư tại nhà máy Biên Hòa, theo đó, AVA sẽ cung cấp các tiện ích sản xuất và Interfood sẽ cung cấp máy móc và kỹ thuật để sản xuất các sản phẩm của Interfood.

2005 Tháng 1 năm 2005, Công ty được phép sản xuất thêm sản phẩm nước tinh khiết và chai PET. Tổng vốn đầu tư của Công ty tăng lên 30.000.000 đô la Mỹ.

Từ ngày 09/08/2005, IFS được chuyển thành công ty cổ phần dưới tên Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“IFS”) theo Giấy phép số 270 CPH/GP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. IFS là một trong 6 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên được Bộ Kế hoạch Đầu tư chấp thuận chuyển đổi hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Nghị định 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng vốn đầu tư của Công ty là 30.000.000 đô la Mỹ và vốn điều lệ là 13.000.000 đô la Mỹ.

2006 Công ty chuyên trụ sở và nhà máy chính đến địa điểm mới là Khu Công nghiệp Tam Phước, Thành phố Biên hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trong năm này, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng nâng tổng vốn góp chủ sở hữu lên 242.841.600.000 đồng (tương đương 24.284.160 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ CP). Ngày 17 tháng 10 năm 2006. Công ty niêm yết 3.620.560 cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) dưới mã chứng khoán: “IFS”.

2007 Ngày 16 tháng 10 năm 2007, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 5:1; theo đó nâng tổng số cổ phần của Công ty được niêm yết tại HOSE là 6.875.359 cổ phần. Tổng vốn đầu tư đăng ký của Công ty tăng lên 1.444.500.000.000 đồng (tương đương 90.000.000 đô la Mỹ) và vốn điều lệ là 291.409.920.000 đồng (tương đương 29.140.992 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ CP) Năm 2007, IFS mua lại 90% vốn góp tại Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA (“AVA”) (trước đây là AVA Food Industries Ltd) và trở thành cổ đông chi phối của công ty này. Hoạt động chính của AVA là sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây giải khát, nước uống tinh khiết, bánh mứt kẹo các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm và cho thuê nhà xưởng.

2008 Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Cổ Phần Bao bì Thực phẩm Quốc Tế) đã thành lập với 90% vốn thuộc sở hữu của Công ty, với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 32 triệu đô la Mỹ và 10 triệu đô la Mỹ. Hoạt động chính của Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế là sản xuất bao bì thực phẩm và nước giải khát.

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2008, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế Miền Bắc đã được thành lập ở Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 36 triệu đô la Mỹ và 11 triệu đô la Mỹ. IFS chiếm 90% vốn của công ty này. Tuy nhiên, Công ty không thể thu xếp được nguồn vốn cho dự án hoạt động và đã hoàn tất việc chấm dứt dự án trong tháng 12 năm 2010.

2009 Cuối năm 2009, Công ty đã ngừng hoạt động nhà máy tại trung tâm Thành phố Biên Hòa và di dời tất cả các dây chuyền sản xuất, thiết bị và hàng tồn kho đến nhà máy trong Khu công nghiệp Tam Phước.

Trong năm 2009, Công ty đã chuyển nhượng 70% vốn góp tại Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc Tế cho Crown Packaging Investment Pte.Ltd.và trở thành cổ đông thiểu số nắm giữ 20% vốn góp tại công ty này. Sau đó, Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc Tế đã đổi tên thành Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”).

2010 Công ty đã nhượng bán 20% lợi ích đầu tư còn lại của mình tại Crown Đồng Nai cho Crown Packaging Investment Pte. Ltd.

2011 Ngày 11 tháng 3 năm 2011, Kirin Holdings Company Limited (“Kirin”) đã mua toàn bộ cổ phần của Trade Ocean Holding Sdn Bhd. (“TOH”) và thông qua TOH, Kirin sở hữu 57,25% cổ phần IFS. Kirin là một trong những công ty sản xuất thực phẩm lớn trong khu vực, một công ty cổ phần đại chúng đang niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Tokyo.

2012 Tháng 6 năm 2012, Kirin tăng cổ phần của mình trong Interfood lên 80,37% (tương đương 23.421.955 cổ phiếu) thông qua việc TOH mua lại tất cả các cổ phiếu đang lưu

hành của Indochina Beverage Holdings (“IBH”) – Công ty đang nắm giữ 23,12% (tương đương 6.737.309 CP) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Interfood.

Tháng 12 năm 2012, toàn bộ cổ phần trong Grande Indigo Global Ltd. (bao gồm 1.938.327 cổ phiếu của Interfood) được Kirin mua lại, Grande Indigo Global Ltd. trở thành một công ty liên kết với TOH và IBH..

2013 Tháng 11 năm 2013, Interfood tăng vốn điều lệ từ 291.409.920.000 đồng thành 501.409.920.000 đồng (tương đương 50.140.992 CP), thông qua đợt chào bán cổ phần riêng lẻ cho Kirin Holdings Company Limited, nâng tỷ lệ cổ phần của Kirin tại Interfood lên 92,46%.

2014 Trong năm 2014, Interfood tăng vốn điều lệ từ 501.409.920.000 đồng thành 711.409.920.000 đồng (tương đương 71.140.920 CP), thông qua việc phát hành riêng lẻ 21.000.000 cổ phần cho Kirin Holdings Company Limited.

2015 Trong năm 2015, Interfood tăng vốn điều lệ từ 711.409.920.000 đồng thành 871.409.920.000 đồng (tương đương 87.140.920 CP), thông qua việc phát hành riêng lẻ 16.000.000 cổ phần cho Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd. (“KHSPL”), công ty con 100% vốn đầu tư của Kirin Holdings Company, Limited (“Kirin”).

Để thống nhất cơ cấu quản lý các công ty con trong Tập đoàn Kirin tại khu vực Đông Nam Á, cuối tháng 12 năm 2015, Kirin đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của mình tại IFS cho KHSPL. Theo đó, KHSPL hiện đang nắm giữ 83.360.282 cổ phần IFS, tương đương 95,66% vốn cổ phần của IFS.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: chế biến nước trái cây không ga và có ga, chế biến nước giải khát không ga và giải khát có ga không cồn hoặc có độ cồn thấp (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước tinh lọc.
- Chế biến và bảo quản rau quả: chế biến nông sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối, ngâm dấm.
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn: sản xuất các loại bánh và thức ăn nhẹ.
- Sản xuất sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Thương hiệu

Mô tả



WONDERFARM là **thương hiệu thức uống lâu đời** trong mỗi gia đình người Việt. Ngày nay, với sự chăm chút của tập đoàn KIRIN Nhật Bản từ khâu tuyển chọn nguyên liệu cho đến khâu chế biến thủ công, sản phẩm **WONDERFARM thật sự đậm đà hương vị truyền thống Việt Nam.**

Sản phẩm WONDERFARM được chế biến từ các loại trái cây tự nhiên chứa nhiều giá trị dinh dưỡng và có lợi cho sức khỏe. Với công nghệ hiện đại và quy trình sản xuất được quản lý chặt chẽ đã tạo ra các sản phẩm nước giải khát mang đậm hương vị thiên nhiên, với lượng đường vừa đủ giúp người tiêu dùng dễ dàng, tiện lợi trong việc thưởng thức sản phẩm nước trái cây bổ dưỡng mỗi ngày.

KIRIN

Là thương hiệu Nhật Bản trên 100 năm, KIRIN tự hào mang **niềm vui và sức khỏe** đến người tiêu dùng **thông qua những sản phẩm chất lượng cao**, được chế biến theo kỹ thuật **công nghệ tiên tiến** đúc kết bởi kinh nghiệm của tập đoàn hơn 100 năm qua tại Nhật Bản.

Sản phẩm KIRIN và WONDERFARM chai PET được sản xuất theo dây chuyền Aseptic - công nghệ chiết rót vô trùng hiện đại của Nhật Bản tại nhà máy KIRIN Việt Nam - giúp sản phẩm giữ được hương vị tự nhiên, đảm bảo chất lượng và an toàn sản phẩm, không dùng chất bảo quản và màu nhân tạo.

SẢN PHẨM WONDERFARM

Trà Bí Đao Wonderfarm với thành phần làm mát tự nhiên giúp thanh lọc và giải nhiệt cơ thể.



Nhãn hiệu nổi tiếng: được ưa chuộng hơn 20 năm qua và được xem là Trà Bí Đao số 1 tại Việt Nam.

Nguyên liệu tự nhiên: sản xuất từ trái bí đao tươi, cho hương vị tự nhiên và thơm ngon.

Tốt cho sức khỏe: giới thiệu Trà Bí Đao Wonderfarm ít đường đáp ứng nhu cầu của những khách hàng quan tâm về sức khỏe.

Thêm lựa chọn với Trà Bí Đao Wonderfarm chai nhựa tiện dụng phù hợp với cuộc sống năng động.

Nước Yến Wonderfarm với giá trị dinh dưỡng cao, thích hợp làm quà cho bạn bè và người thân.



Nước Yến Ngân Nhĩ có chứa thành phần dinh dưỡng cân bằng, được chế biến có chứa tổ yến thật kết hợp với đường phèn để tạo ra sản phẩm thơm ngon và có lợi cho sức khỏe.

Thích hợp khi dùng cho việc phục hồi sức khỏe hay các bữa tiệc chung vui cùng gia đình, bè bạn. Ngoài ra Nước Yến WONDERFARM còn rất thích hợp khi dùng làm quà biếu tặng.

Nước giải khát Wonderfarm

Được chế biến từ nguồn nguyên liệu tươi phong phú tại Việt Nam, vừa giúp đảm bảo được nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm vừa đảm bảo hương vị mang tính truyền thống, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng Việt



Nước cốt dừa Wonderfarm thơm ngon nguyên chất là nguyên liệu không thể thiếu trong bếp của bà nội trợ Việt.



Sản phẩm nước dừa được sản xuất trực tiếp từ nguồn nguyên liệu dừa tươi tại Bến Tre để tạo ra nhiều loại sản phẩm với hương vị và cách thức sử dụng khác nhau. Mỗi loại sản phẩm đem đến sự đa dạng trong sử dụng.

Được tin dùng trong cuộc thi Master Chef Việt Nam và các nhà hàng trên toàn quốc.

Trà Sữa Bí Đào Wonderfarm

Được sản xuất theo dây chuyền Aseptic - công nghệ chiết rót vô trùng của Nhật Bản tại nhà máy KIRIN Việt Nam, Trà Sữa Bí Đào Wonderfarm là sản phẩm trà sữa bí đao đầu tiên đựng trong chai PET tiện dụng với giá cả vô cùng hợp lý.



Trà Xanh Wonderfarm

Được sản xuất theo dây chuyền Aseptic - công nghệ chiết rót vô trùng hiện đại của Nhật Bản tại nhà máy KIRIN Việt Nam - Trà Xanh Wonderfarm mang hương vị tuyệt hảo giúp đập tan cơn khát mang đến cảm giác sảng khoái tức thì.



KIRIN PRODUCTS

KIRIN ICE+

Ice+ là dòng sản phẩm Nước vị trái cây lần đầu tiên có mặt trên thị trường Việt Nam, được sản xuất với **công nghệ tiên tiến Nhật Bản Aseptic**. Đặc trưng sản phẩm là nước tinh khiết hòa quyện với nước ép trái cây được đông kết ở **nhệt độ -180C**, giúp sản phẩm giữ được độ thơm ngon tinh khiết như trái cây vừa hái, vừa đảm bảo độ an toàn thực phẩm tuyệt đối do không sử dụng bất kỳ chất bảo quản, hay tạo màu tạo mùi nhân tạo nào.



KIRIN LATTE

Với Bí Quyết Tạo Vị Ngon Từ Nhật Bản, Latte là thức uống được chiết xuất từ các thành phần thiên nhiên tốt nhất pha thêm sữa. Vị ngon thanh khiết cùng dư vị nhẹ nhàng của Latte không chỉ giúp bạn thỏa cơn khát mà còn mang đến những phút thư giãn nhẹ nhàng nhất.



KIRIN TEA BREAK



Gogo no Kocho - Sản phẩm trà bán chạy số 1 Nhật Bản nay đã đến Việt Nam với tên gọi mới: **Tea Break**. Đây là sản phẩm chiết xuất từ lá trà Anh Quốc đích thực với phong cách cổ điển pha lẫn với hiện đại. Sản phẩm với vị chat nhẹ của trà, vị ngọt thanh và hương đậm đà sẽ làm cho ngày mới của bạn thêm hứng khởi.

SẢN PHẨM MỚI: KIRIN TRÀ XANH NHẬT



Giới thiệu Trà Xanh Nhật sử dụng 100% lá trà xanh Nhật Bản, được ủ và chiết xuất nước trà tinh túy nhất nhẹ nhàng xoa dịu tâm trí, thư giãn tinh thần.

Những lá trà tươi ngon từ tỉnh Shizuoka Nhật Bản được thu hoạch, xử lý và nhập khẩu về Việt Nam.

- Sản phẩm sử dụng nước tinh khiết.
- Được chiết xuất ở nhiệt độ chính xác đòi hỏi kỹ thuật chuyên nghiệp.
- Chỉ chiết nước trà đầu tiên.
- Chai PET, ít đường hoặc không đường.

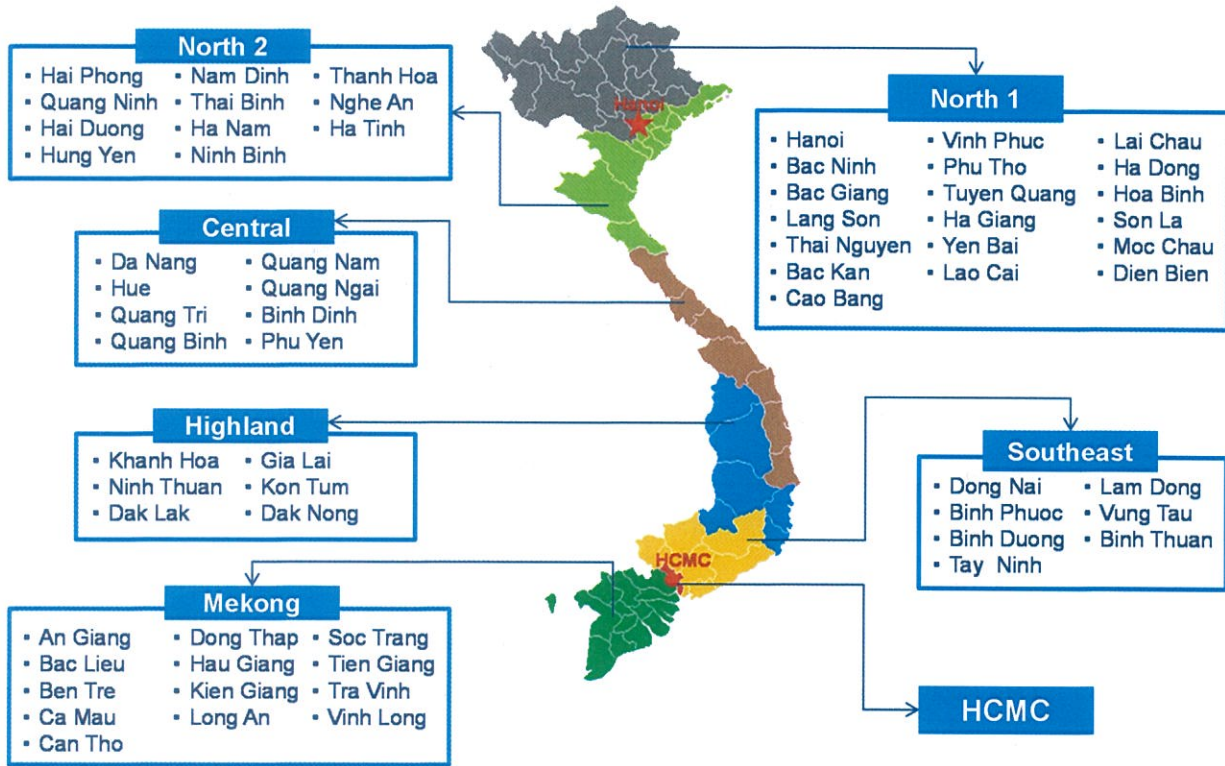
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thị trường trong nước:

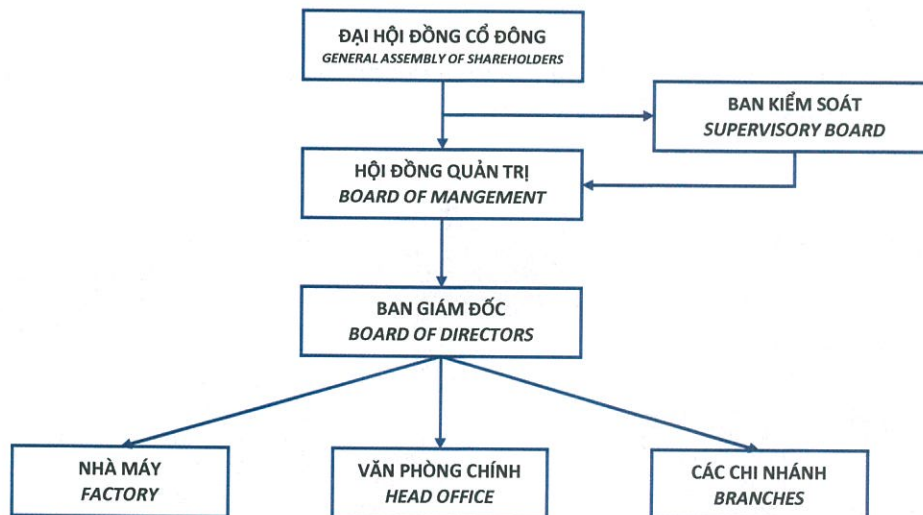
Doanh thu từ thị trường trong nước chiếm khoảng 97% tổng doanh thu của Công ty và được xem là thị trường chính trong chiến lược phát triển kinh doanh. Hệ thống phân phối của Interfood bao phủ toàn bộ 64 tỉnh thành với 167 đại lý phân phối, 110.000 điểm bán lẻ và có mặt tại tất cả các hệ thống siêu thị ở Việt Nam.

Thị trường xuất khẩu:

Doanh thu từ thị trường xuất khẩu chiếm 3% tổng doanh thu của Công ty. Thị trường xuất khẩu chính là các nước châu Âu, châu Á, châu Úc và Mỹ.



4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

STT	Họ tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Ông Toru Yamasaki	Chủ tịch
2	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên
3	Ông Takayuki Morisawa	Thành viên
4	Ông Hajime Kobayashi	Thành viên
5	Ông Hirotsugu Otani	Thành viên
Ban Kiểm soát (BKS)		
1	Bà Thái Thu Thảo	Trưởng BKS
2	Ông Yasuhiro Oki	Thành viên
3	Ông Akira Shimizu	Thành viên
Ban Giám đốc (BGĐ)		
1	Ông Toru Yamasaki	Tổng Giám đốc/ Giám đốc (GD) Tiếp thị
2	Ông Morisawa Takayuki	Thành viên BGĐ/ GD Hành chính quản trị
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên BGĐ/ GD Kiểm soát nội bộ
4	Ông Taiichiro Iizumi	Thành viên BGĐ/ GD Kinh doanh
5	Ông Yoshihisa Fujiwara	Thành viên BGĐ/ GD nhà máy
6	Ông Yutaka Ogami	Thành viên BGĐ/ GD Tài chính

CHI NHÁNH, NHÀ MÁY

Chi nhánh, nhà máy	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Tầng 11, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tầng 4A, Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn và 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Nhà máy Long Thành	Lô 13, KCN Tam Phước, Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM AVA



Địa chỉ: Lô 13, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất thực phẩm chế biến gồm chế biến nước trái cây, nước giải khát, nước uống tinh khiết; bánh, mứt, kẹo, thức ăn nhẹ các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm.

Vốn điều lệ thực góp: 81.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 90,4% (7.322.400 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần)



Địa chỉ: Lô D-3A-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Bình Dương

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất đồ uống không cồn.

Vốn điều lệ thực góp: 795.800.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu của Công ty: Không

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TÂM NHÌN

- ✚ Là một công ty có sức thu hút khách hàng: mang đến sức khỏe, niềm vui và sự thoải mái cho khách hàng bằng việc cung cấp sản phẩm dựa trên nhu cầu khách hàng.
- ✚ Là một công ty hấp dẫn người lao động: mang lại niềm tự hào và cuộc sống tốt đẹp cho tất cả nhân viên.
- ✚ Là công ty nước giải khát hàng đầu Việt Nam: luôn đứng trên quan điểm người tiêu dùng để tạo ra sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trở thành công ty hàng đầu trong phân khúc “nước giải khát có nguồn gốc tự nhiên và sức khỏe” trong năm 2020 bằng việc cung cấp những sản phẩm nước giải khát hỗ trợ sức khỏe có nguồn gốc từ thiên nhiên.

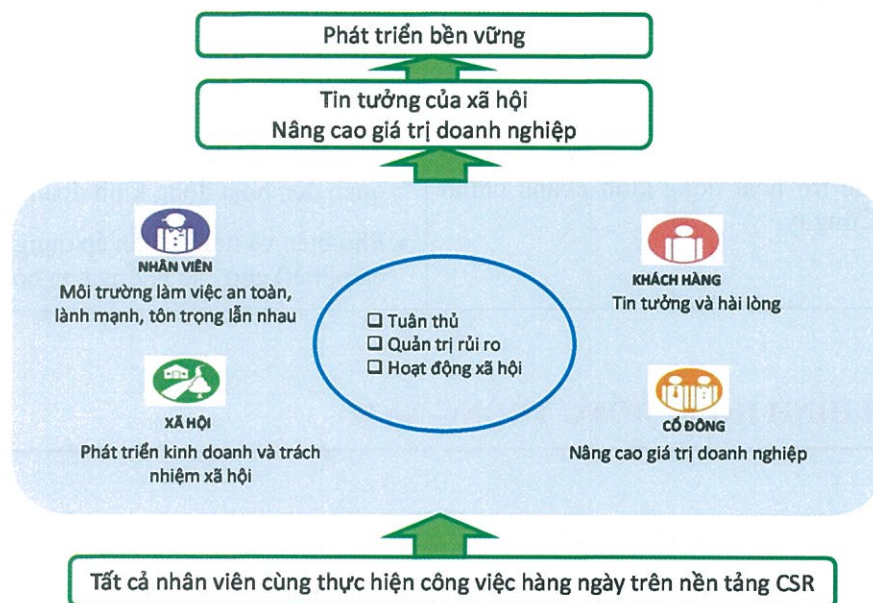
- Xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm dựa trên nhu cầu của người dùng và thiết lập cơ cấu hỗ trợ thực hiện mục tiêu chiến lược thông qua hệ thống chuỗi giá trị.
- Công ty sẽ thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm chủ lực Trà Bí Dao, sau đó tiếp tục mở rộng chiến lược thúc đẩy phát triển các sản phẩm Kirin.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tuân thủ pháp luật và quy tắc đạo đức trong kinh doanh là nền tảng cho sự thành công và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Việc xây dựng và duy trì văn hóa tuân thủ là yếu tố quan trọng không thể thiếu trong việc tạo dựng uy tín và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Interfood luôn nỗ lực phổ biến và nâng cao ý thức CSR và Tuân Thủ cho nhân viên nhằm đảm bảo phương châm quản lý dựa trên CSR được thực hiện và giám sát trên toàn bộ Công ty.

- CSR (Corporate Social Responsibility - Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp): Công ty cam kết thông qua hoạt động kinh doanh của mình góp phần cho sự phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Compliance (Tuân thủ): tuân thủ các quy định của pháp luật, các chuẩn mực xã hội, nguyên tắc ứng xử của Công ty cũng như ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng.
- Quản trị rủi ro: hệ thống được thiết lập nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu tổn thất do những sự kiện không lường trước bằng cách nhận diện và quản lý những rủi ro trọng yếu có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



6. QUẢN TRỊ RỦI RO

Interfood xây dựng hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) như là một phần của hệ thống quản lý hoạt động kinh doanh và phối hợp với công ty mẹ để triển khai thực hiện QLRR.

Interfood và Công ty con thực hiện triệt để tuân thủ và QLRR nhằm ngăn ngừa những nguy cơ tiềm ẩn, qua đó có thể nhận được sự tín nhiệm lâu dài của khách hàng và xã hội.

Ủy ban QLRR được thành lập để giám sát hoạt động QLRR. Ủy ban QLRR chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc và bao gồm các thành viên là các trưởng phòng ban. Ủy ban QLRR họp định kỳ mỗi năm hai lần và khi xét thấy cần thiết để xem xét và giám sát việc thực hiện QLRR và kế hoạch đối ứng rủi ro của toàn Công ty.

Thực hiện QLRR trong năm 2015

- Xây dựng hệ thống QLRR và chính sách QLRR theo chương trình QLRR của Tập đoàn Kirin.
- Xây dựng kế hoạch QLRR và Hướng dẫn ứng phó khủng hoảng và thực hiện chương trình đào tạo về QLRR cho nhân viên.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để theo dõi quy trình và giám sát việc thực hiện kế hoạch QLRR.

Thực hiện QLRR trong năm 2016

Rủi ro chính	ĐỐI ƯNG RỦI RO
Rủi ro chiến lược: Sai lầm trong chiến lược kinh doanh, đặc biệt trong việc xây dựng giá thành làm doanh số sụt giảm đáng kể.	<ul style="list-style-type: none">• Rà soát kế hoạch sử dụng chi phí kinh doanh tiếp thị và chi phí sản xuất để cải thiện lợi nhuận và kinh doanh có hiệu quả mà không phụ thuộc vào chính sách giá.
Rủi ro thị trường: Giá nhiên liệu, nguyên vật liệu tăng cao ảnh hưởng đến mục tiêu cải thiện lợi nhuận của Công ty.	<ul style="list-style-type: none">• Theo dõi tình hình thị trường, rà soát hợp đồng với các nhà cung cấp để kiểm soát giá nguyên vật liệu.• Phát triển dòng sản phẩm ít đường để nâng cao ý thức về sức khỏe.
Rủi ro tuân thủ: Sai sót trong việc áp dụng luật gây cản trở hoạt động kinh doanh chính đáng của Công ty.	<ul style="list-style-type: none">• Theo dõi và cập nhật các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.• Phổ biến và hướng dẫn áp dụng quy định mới (nếu cần thiết) cho các phòng ban có liên quan.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

▪ Doanh thu

Tổng doanh thu đạt mục tiêu năm với 1,318 tỷ đồng. Doanh thu thuần cũng gần đạt mục tiêu với 1,280 tỷ đồng.

▪ Lợi nhuận gộp

Giá vốn hàng bán tăng 4% so với mục tiêu, tuy nhiên, vì sự thay đổi trong chuẩn mực kế toán liên quan đến hàng khuyến mãi, giá vốn hàng bán tăng 64 tỷ đồng từ chi phí bán hàng chuyển sang. Ngoài những thay đổi này, giá vốn hàng bán đã giảm vì Công ty thực hiện chương trình giảm chi phí nguyên vật liệu thấp hơn so với dự kiến.

Kết quả là lợi nhuận gộp đạt 338 tỷ đồng, ít hơn 40 tỷ so với mục tiêu. Không kể ảnh hưởng của việc thay đổi chuẩn mực kế toán, lợi nhuận gộp đã đạt được mục tiêu.

▪ **Lợi nhuận kinh doanh thuần**

Doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tăng lên do giảm phát tiền đồng Việt Nam trong năm vừa qua.

Chi phí bán hàng tiết kiệm được 25% so với mục tiêu. Nguyên nhân là do Công ty đã kiểm soát thành công chi phí bán hàng và việc phân loại lại hàng khuyến mãi vào giá vốn hàng bán đã đề cập bên trên.

Lỗ từ hoạt động kinh doanh là 89 tỷ đồng, cải thiện nhiều hơn nhiều so với mục tiêu đề ra.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chi tiêu	Thực hiện 2014 (Phân loại lại)		Kế hoạch 2015		Thực hiện 2015 (Đã kiểm toán)		Tăng giảm 2015 (%)
	USD	VND'000	USD	VND'000	USD	VND'000	
Tổng doanh thu	55,573,666	1,188,164,969	58,714,166	1,318,133,016	58,726,158	1,318,402,242	0,02%
Các khoản giảm trừ	(1,810,467)	(38,707,794)	(1,349,381)	(30,293,596)	(1,702,385)	(38,218,537)	26%
Doanh thu thuần	53,763,198	1,149,457,175	57,364,785	1,287,839,420	57,023,773	1,280,183,705	-1%
Giá vốn hàng bán	(41,595,832)	(889,318,885)	(40,521,522)	(909,708,165)	(41,949,398)	(941,763,989)	4%
Lợi nhuận gộp	12,167,366	260,138,290	16,843,263	378,131,255	15,074,375	338,419,716	-11%
Doanh thu hoạt động tài chính	478,284	10,225,704	25,739	577,851	781,201	17,537,953	2,935%
Chi phí hoạt động tài chính	(1,117,021)	(23,881,901)	(367,916)	(8,259,705)	(1,945,813)	(43,683,496)	429%
Chi phí bán hàng	(18,396,434)	(393,315,759)	(21,476,153)	(482,139,635)	(16,040,998)	(360,120,414)	-25%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1,590,764)	(34,010,542)	(1,655,382)	(37,163,318)	(1,847,526)	(41,476,966)	12%
Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(8,458,569)	(180,844,208)	(6,630,448)	(148,853,551)	(3,978,762)	(89,323,207)	-40%
Thu nhập khác	366,754	7,841,201	236,318	5,305,339	292,040	6,556,299	24%
Chi phí khác	(161,444)	(3,451,671)	(330,456)	(7,418,736)	(459,750)	(10,321,381)	39%
Lợi nhuận khác	205,310	4,389,530	(94,138)	(2,113,398)	(167,710)	(3,765,082)	78%
Lãi (Lỗ) trước thuế	(8,253,259)	(176,454,678)	(6,724,586)	(150,966,949)	(4,146,472)	(93,088,289)	-38%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	(121,500)	(2,727,671)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1,882	40,234	-	-	(17,444)	(391,621)	-
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	(8,251,377)	(176,414,444)	(6,724,586)	(150,966,949)	(4,285,416)	(96,207,581)	-36%
Lợi nhuận (lỗ) của cổ đông thiểu số	(22,976)	(491,227)	-	-	(21,360)	(479,534)	-
Lợi nhuận (lỗ) trong năm	(8,274,353)	(176,905,671)	(6,724,586)	(150,966,949)	(4,306,776)	(96,687,115)	-36%

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND (Hộ chiếu)	Chỗ ở hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Hội đồng quản trị							
1	Ông Toru Yamasaki	Chủ tịch	1965	Nhật Bản	TH3366955	HCMC, VN	0%
2	Ông Hajime Kobayashi	Thành viên	1965	Nhật Bản	TH8783816	Nhật Bản	0%
3	Ông Hirotugu Otani	Thành viên	1972	Nhật Bản	Nhật Bản	Nhật Bản	0%
4	Ông Morisawa Takayuki	Thành viên	1975	Nhật Bản	TK5209610	HCMC, VN	0%
5	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	1967	Việt Nam	271255441	Đồng Nai, VN	0%
Ban Giám đốc (BGĐ)							
1	Ông Toru Yamasaki	Tổng GD	1965	Nhật Bản	TH3366955	HCMC, VN	0%
2	Ông Yoshihisa Fujiwara	GD nhà máy	1967	Nhật Bản	TR1350962	HCMC, VN	0%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	GD Kiểm soát nội bộ	1967	Việt Nam	271255441	Đồng Nai, VN	0,014% (12.000)
4	Ông Yutaka Ogami	GD Tài chính	1973	Nhật Bản	TH5379976	HCMC, VN	0%
5	Ông Morisawa Takayuki	GD Hành chính quản trị	1975	Nhật Bản	TK5209610	HCMC, VN	0%
6	Ông Taiichiro Iizumi	GD Kinh doanh	1969	Nhật Bản	TK1284537	HCMC, VN	0%
Kế toán trưởng							
1	Ông Nguyễn Hồng Phong	Kế toán trưởng	1977	Việt Nam	182126771	Đồng Nai, VN	0%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ tên	Chức vụ		Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND (Hộ chiếu)	Chỗ ở hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
		Trước khi thay đổi	Sau khi thay đổi					
Hội đồng quản trị								
1	Ông Michio Nagabayashi	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 16/03/2015	1964	Nhật Bản	TH6350049	Nhật Bản	0%
2	Ông Hiroshi Fujikawa	Thành viên	Từ nhiệm ngày 09/04/2015	1963	Nhật Bản	MS4595821	Singapore	0%
3	Ông Toru Yamasaki	Thành viên	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 09/04/2015)	1965	Nhật Bản	TH3366955	HCMC, VN	0%
4	Ông Hajime Kobayashi	Thành viên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09/04/2015)	1965	Nhật Bản	TH8783816	Nhật Bản	0%
5	Ông Hirotugu Otani	Thành viên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09/04/2015)	1972	Nhật Bản	TH2738913	Nhật Bản	0%
6	Ông Morisawa Takayuki	Thành viên	Thành viên	1975	Nhật Bản	TK5209610	HCMC, VN	0%
7	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	Thành viên	1967	Việt Nam	271255441	Đồng Nai, VN	0%
Ban Giám đốc (BGĐ)								
1	Ông Michio Nagabayashi	Tổng GĐ	Từ nhiệm ngày 16/03/2015	1964	Nhật Bản	TH6350049	Nhật Bản	0%
2	Ông Toru Yamasaki		Tổng GĐ (Bổ nhiệm ngày 16/03/2015)	1965	Nhật Bản	TH3366955	HCMC, VN	0%
3	Ông Yoshihisa Fujiwara	GĐ nhà máy	GĐ nhà máy	1967	Nhật Bản	TR1350962	Đồng Nai, VN	0%
4	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	GĐ Tài chính	GĐ Kiểm soát nội bộ (Từ ngày 01/05/2015)	1967	Việt Nam	271255441	HCMC, VN	0,014% (12.000)
5	Ông Yutaka Ogami	GĐ/ Kiểm soát tài chính	GĐ Tài chính (Từ ngày 01/05/2015)	1973	Nhật Bản	TH5379976	HCMC, VN	0%
6	Ông Morisawa Takayuki	GĐ Hành chính quản trị	GĐ Hành chính quản trị	1975	Nhật Bản	TK5209610	HCMC, VN	0%
7	Ông Taiichiro Iizumi	GĐ Kinh doanh Tiếp thị	Giám đốc Kinh doanh (Từ ngày 01/05/2015)	1969	Nhật Bản	TK1284537	HCMC, VN	0%

TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 1.544 (tại thời điểm 31/12/2015).
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
 - Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ cấu tổ chức và cải thiện hệ thống thông tin quản lý.
 - Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty và Nhân viên thông qua việc thực hiện chế độ kiểm tra giám sát, cải thiện chính sách dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên (ESS), nâng cao độ chính xác của dữ liệu quản lý, thực hiện quản trị dựa trên tuân thủ (compliance)
 - Phát triển và thực hiện chương trình đào tạo thiết kế riêng cho nhân viên theo từng cấp độ, từng phòng ban.
 - Thực hiện luân chuyển nhân viên theo chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty cũng như theo nguyện vọng phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Phát hành cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ

Theo sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 (“ĐHĐCĐ”) vào ngày 9/4/2015, vào cuối năm 2015, IFS đã phát hành 16 triệu cổ phần mệnh giá 10.000 VND/cổ phần theo hình thức phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư đủ điều kiện là Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd. (“KHSPL”), tăng vốn điều lệ từ 711.409.920.000 VND lên 871.409.920.000 VND, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại IFS tăng từ 99,25% lên 99,39%, tương ứng với 86.607.712 cổ phần trong tổng số 87.140.992 cổ phần đang lưu hành của IFS.

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán đã được sử dụng để thanh toán các khoản nợ vay từ Kirin Holdings Company, Limited và bổ sung vốn hoạt động của công ty trong năm 2015.

Như vậy, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty được sử dụng hết và đúng mục đích phát hành.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chi tiêu	Thực tế 2014 VND'000	Thực tế 2015 VND'000	Tăng giảm (%)
Tổng doanh thu	1,188,164,969	1,318,402,242	11.0%
Các khoản giảm trừ	(38,707,794)	(38,218,537)	-1.3%
Doanh thu thuần	1,149,457,175	1,280,183,705	11.4%
Giá vốn hàng bán	(889,318,885)	(941,763,989)	5.9%
Lợi nhuận gộp	260,138,290	338,419,716	30.1%
Doanh thu hoạt động tài chính	10,225,704	17,537,953	71.5%
Chi phí hoạt động tài chính	(23,881,901)	(43,683,496)	82.9%
Chi phí bán hàng	(393,315,759)	(360,120,414)	-8.4%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(34,010,542)	(41,476,966)	22.0%
Lãi (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(180,844,208)	(89,323,207)	-50.6%
Thu nhập khác	7,841,201	6,556,299	-16.4%
Chi phí khác	(3,451,671)	(10,321,381)	199.0%
Lợi nhuận khác	4,389,530	(3,765,082)	-185.8%
Lãi (Lỗ) trước thuế	(176,454,678)	(93,088,289)	-47.2%
Chi phí thuế TNDN hiện hành		(2,727,671)	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	40,234	(391,621)	-1073.4%
Lãi (Lỗ) sau thuế	(176,414,444)	(96,207,581)	-45.5%
Lãi (Lỗ) của cổ đông thiểu số	(491,227)	(479,534)	-2.4%
Lãi (Lỗ) trong năm	(176,905,671)	(96,687,115)	-45.3%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chi tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	81%	108%	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	38%	56%	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	85%	76%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	575%	316%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	4.9	5.2	
Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.7	1.9	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-15%	-8%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-180%	-60%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-27%	-14%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-16%	-7%	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

A. CỔ PHẦN

STT	Nội dung	Số lượng
1	Tổng số cổ phiếu	87.140.992
2	Số lượng cổ phiếu quỹ	8
3	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	87.140.984
4	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	71.140.984
5	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	16.000.000 Hạn chế chuyển nhượng trong một (01) năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán (30/12/2015 đến ngày 30/12/2016)

B. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	0	0%	83,360,282	95.66%	83,360,282	95.66%
	- Cá nhân	0	0%				
	- Tổ chức	0	0%	83,360,282	95.66%		
2	Cổ đông khác (sở hữu dưới 5% vốn CP)	533,272	0.61%	3,247,430	3.73%	3,780,702	4.34%
	- Cá nhân	518,088	0.59%	208,743	0.24%	726,831	0.83%
	- Tổ chức	15,184	0.02%	3,038,687	3.49%	3,053,871	3.50%
3	Cổ phiếu quỹ					8	0.00%
4	Tổng cộng	533,272		86,607,712		87,140,992	100%

C. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cuối năm 2015, IFS đã phát hành 16 triệu cổ phần mệnh giá 10.000 VND/cổ phần theo hình thức phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư đủ điều kiện là Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd. (“KHSPL”), tăng vốn điều lệ từ 711.409.920.000 VND lên 871.409.920.000 VND, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại IFS tăng từ 99,25% lên 99,39%, tương ứng với 86.607.712 cổ phần trong tổng số 87.140.992 cổ phần đang lưu hành của IFS.

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
- Loại cổ phiếu/ Mệnh giá : Cổ phiếu phổ thông/ VND10,000
- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán : 16,000,000
- Ngày bắt đầu chào bán : 24/12/2015
- Ngày hoàn thành đợt chào bán : 30/12/2015

Để thống nhất cơ cấu quản lý các công ty con trong Tập đoàn Kirin tại khu vực Đông Nam Á, Kirin Holdings Company, Limited (“Kirin”) đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Kirin tại IFS cho KHSPL vào cuối tháng 12/2015. Theo đó, KHSPL hiện đang nắm giữ 83.360.282 cổ phần IFS, tương đương 95,66% vốn cổ phần của IFS.

D. CỔ PHIẾU QUỸ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 8
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm 2015: Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2015, Công ty đã nỗ lực đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra bằng việc tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty đã đạt mức tăng trưởng 10% doanh thu so với năm trước.

Công ty tập trung phát triển sản phẩm chủ lực Trà Bí Dao Wonderfarm cũng như mở rộng thị trường cho nhãn hàng Kirin. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và đa dạng hóa sản phẩm, Công ty đã phát triển và tung ra thị trường hai sản phẩm mới là Trà Sữa Bí Dao Wonderfarm và Ice+ Vải Muối.

Công ty đã triệt để thực hiện chính sách tiết giảm chi phí tại nhà máy cũng như sử dụng hợp lý chi phí kinh doanh và tiếp thị nhằm nâng cao hiệu quả công việc và năng lực cạnh tranh. Các chương trình cắt giảm chi phí tại nhà máy đã được thực hiện triệt để nhằm đạt chỉ tiêu chi phí sản xuất mà Công ty đã đề ra.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Công ty có khoản vay bằng đô la Mỹ (USD) từ Kirin Holdings, công ty mẹ cao nhất. Số dư khoản vay tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2015 là 14,5 triệu USD. Lãi chuyển đổi ngoại tệ phát sinh từ khoản vay này là 21 tỷ đồng.

Chi tiêu	Năm 2014 VND'000	Năm 2015 VND'000	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	664,011,912	674,633,768	2%
Doanh thu thuần	1,149,457,175	1,280,183,705	11%
Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(180,844,208)	(89,323,207)	-51%
Lãi (lỗ) khác	4,389,530	(3,765,082)	-186%
Lãi (lỗ) trước thuế	(176,454,678)	(93,088,289)	-47%
Lãi (lỗ) sau thuế	(176,414,444)	(96,207,581)	-45%

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

▪ Hoạt động quản lý

Hoạt động kinh doanh gắn liền với Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility – CSR) là những cam kết doanh nghiệp góp phần cho sự phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống. Công ty luôn nỗ lực thực hiện chính sách CSR trong hoạt động kinh doanh:

- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro nhằm đạt sự quản lý minh bạch để nhận được sự tin tưởng của xã hội.
- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tích cực tham gia hoạt động cộng đồng để góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội với tư cách là một công dân doanh nghiệp có trách nhiệm.

Công ty đã thành lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ với sự hỗ trợ về nhân sự từ Tập đoàn Kirin nhằm góp phần làm giảm rủi ro trong quản lý hoạt động kinh doanh ở Việt Nam thông qua hoạt động tư vấn, đánh giá độc lập và đảm bảo khách quan.

▪ Khối Kinh doanh

- Thành lập bộ phận chuyên trách nhằm đẩy mạnh thực hiện duy trì và phát triển kênh KA.
- Điều chỉnh và triển khai thực hiện chính sách chiến lược đối với nhà phân phối và cơ chế quản lý các cửa hàng bán sỉ.

▪ Khối Sản xuất

- Tiếp tục thực hiện tiết giảm chi phí.
- Nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm.
- Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển những sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên và mang đến sức khỏe cả về thể chất và tinh thần cho người tiêu dùng.

▪ Khối Văn phòng

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ cấu tổ chức và cải thiện hệ thống thông tin quản lý.
- Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty và Nhân viên thông qua việc thực hiện chế độ kiểm tra giám sát, cải thiện chính sách dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên (ESS), nâng cao độ chính xác của dữ liệu quản lý, thực hiện quản trị dựa trên tuân thủ (compliance).
- Phát triển và thực hiện chương trình đào tạo thiết kế riêng cho nhân viên theo từng cấp độ, từng phòng ban.
- Thực hiện luân chuyển nhân viên theo chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty cũng như theo nguyện vọng phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong năm 2016, Công ty đặt mục tiêu tăng doanh số và mở rộng thị trường nhằm cải thiện lợi nhuận kinh doanh cũng như tăng giá trị tài sản thương hiệu với các kế hoạch như sau:

- Tăng doanh số và mở rộng thị trường bằng cách mở rộng hệ thống phân phối, tăng cường hoạt động bán hàng và nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ kinh doanh.

- Thực hiện giảm chi phí sản xuất và sử dụng hiệu quả chi phí bán hàng nhằm nâng cao lợi nhuận.
- Xây dựng chiến lược sản phẩm dựa trên nhu cầu khách hàng và phát triển hệ thống hỗ trợ thực hiện chiến lược thông qua chuỗi cung ứng nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của IFS trong tương lai.

Công ty dự kiến tổng doanh thu sẽ đạt khoảng 1.445 tỷ đồng (tăng khoảng 10% so với năm 2015) và lỗ trước thuế trong năm 2016 khoảng 57 tỷ đồng.

Chi tiêu	Kế hoạch 2016		Thực hiện 2015		Tỷ lệ (%)
	USD	VND'000	USD	VND'000	
Tổng doanh thu	64,238,822	1,445,373,485	58,726,158	1,318,402,242	10%
Doanh thu thuần	60,212,657	1,354,784,781	57,023,773	1,280,183,705	6%
Lãi (Lỗ) gộp	18,318,713	412,171,037	15,074,375	338,419,716	22%
Lãi (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(1,275,147)	(28,690,812)	(3,978,762)	(89,323,207)	-68%
Lãi (Lỗ) trước thuế	(2,535,147)	(57,040,812)	(4,146,472)	(93,088,289)	-39%
Lãi (Lỗ) sau thuế	(2,535,147)	(57,445,812)	(4,285,416)	(96,207,581)	-40%

5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn về môi trường, không ngừng nỗ lực trong việc đầu tư thiết bị và nghiên cứu phát triển công nghệ nhằm mang đến những sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường.

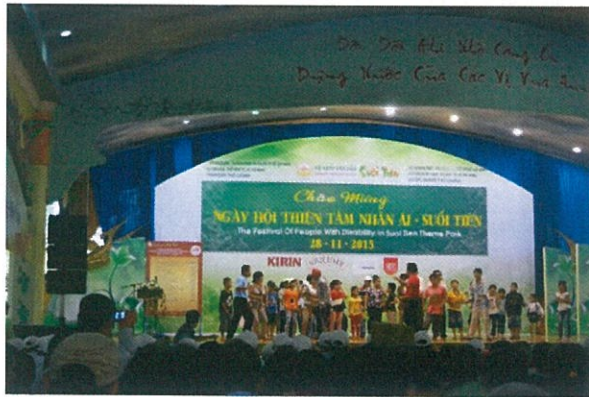
- Tiếp tục nỗ lực nâng cao ý thức của nhân viên và các biện pháp đảm bảo an toàn bao gồm đào tạo an toàn trong các cuộc họp toàn công ty hàng tháng, xác nhận tình hình thực hiện các biện pháp an toàn nhằm ngăn ngừa tái phát, kiểm tra định kỳ các khu vực nhằm đảm bảo an toàn thực sự.
- Nâng cao chất lượng: thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng bao gồm kiểm tra định kỳ việc thực hiện kế hoạch ngăn ngừa tái diễn chú trọng đến các vấn đề ưu tiên, nâng cao độ hiểu biết và ISO và HACCP và nâng cao hiệu quả của các hệ thống.

TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quan tâm và tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội thông qua hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2015, Interfood đã tham gia tài trợ cho các chương trình Thiện Tâm Nhân Ái 2015 do Suối Tiên tổ chức; Quà Tết 2016 cho trẻ em và các gia đình có hoàn cảnh khó khăn; Bếp cơm từ thiện phục vụ bệnh nhân nghèo; các chương trình thiện nguyện của các tổ chức hoạt động xã hội khác.

Tham gia chương trình “Thiện Tâm Nhân Ái 2015”

Nhân ngày Quốc tế người khuyết tật (3/12), ngày 28/11, Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên kết hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội TPHCM đã tổ chức Ngày hội Thiện Tâm Nhân Ái năm 2015. Đây là một hoạt động xã hội thường niên được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2000 tại Suối Tiên và nhận được rất nhiều sự quan tâm và hỗ trợ của cá nhân, tổ chức và các cơ quan đoàn thể.



Ngày hội Thiện Tâm Nhân Ái năm 2015 đã thu hút được hơn 7,000 người khuyết tật tại TPHCM và các cơ sở nuôi dưỡng bảo trợ người khuyết tật từ các tỉnh thành phía Nam đến tham gia. Hưởng ứng lời mời tham gia tài trợ của Suối Tiên cho hoạt động xã hội đầy ý nghĩa này, Interfood đã gửi tặng cho chương trình hơn 2,000 thùng nước giải khát KIRIN-WONDERFARM để phục vụ cho đại tiệc buffet và làm quà cho những người tham gia.

Tài trợ chương trình tặng quà Xuân 2016 của Báo Thanh Niên cho trẻ em và các hộ gia đình nghèo

Nhân dịp Tết Bính Thân 2016, Báo Thanh Niên phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Hà Giang và Cao Bằng đã đến thăm và tặng 2,000 thùng nước giải khát cho các hộ sinh nghèo tại các huyện biên giới Mèo Vạc, Đồng Văn, Yên Minh, Quản Bạ, Hoàng Su Phì, Vị Xuyên (Hà Giang) và Trà Lĩnh, Hà Quảng và Trung tâm khuyết tật, Trung tâm xã hội tỉnh Cao Bằng. 2,000 phần quà trị giá 200 triệu đồng do Công ty Interfood tài trợ.

Cũng trong chương trình Quà Tết Bính Thân 2016 của Báo Thanh Niên, Interfood đã gửi tặng hơn 1,000 sản phẩm Wonderfarm-Kirin cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở vùng sâu, vùng xa của các tỉnh Bến Tre, Lâm Đồng, Đồng Nai và huyện Hóc Môn (TP. Hồ Chí Minh) với mong muốn góp phần mang đến một cái Tết vui tươi và đầm ấm cho các gia đình.



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2015, Công ty đã nỗ lực đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra bằng việc tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty đã đạt mức tăng trưởng trưởng được 10% so với năm trước.

- Công ty tập trung phát triển sản phẩm chủ lực Trà Bí Dao Wonderfarm cũng như mở rộng thị trường cho nhãn hàng Kirin. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và đa dạng hóa sản phẩm, Công ty đã phát triển và tung ra thị trường hai sản phẩm mới là Trà Sữa Bí Dao Wonderfarm và Ice+ Vải Muối.
- Công ty đã triệt để thực hiện chính sách tiết giảm chi phí tại nhà máy cũng như sử dụng hợp lý chi phí kinh doanh và tiếp thị nhằm nâng cao hiệu quả công việc và năng lực cạnh tranh. Các chương trình cắt giảm chi phí tại nhà máy đã được thực hiện triệt để nhằm đạt chỉ tiêu chi phí sản xuất mà Công ty đã đề ra.

Chỉ tiêu	Năm 2014 VND'000	Năm 2015 VND'000	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	664,011,912	674,633,768	2%
Doanh thu thuần	1,149,457,175	1,280,183,705	11%
Lãi (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(180,844,208)	(89,323,207)	-51%
Lãi (Lỗ) khác	4,389,530	(3,765,082)	-186%
Lãi (Lỗ) trước thuế	(176,454,678)	(93,088,289)	-47%
Lãi (Lỗ) sau thuế	(176,414,444)	(96,207,581)	-45%

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- TGD và Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định của Công ty.
- Dưới sự chỉ đạo của TGD và Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện các hoạt động kinh doanh theo mục tiêu đề ra, tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.
- Ngoài ra, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2015; điều chỉnh Điều lệ Công ty và ban hành Quy chế quản trị Công ty; thực hiện tăng vốn đầu tư, bổ sung mục tiêu hoạt động và tăng quy mô sản xuất; triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh theo đúng các quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2016, HĐQT tiếp tục thực hiện các chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2016.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2016, kế hoạch phát triển trung hạn năm 2016-2018 của Công ty.

- Xem xét điều chỉnh Quy chế quản trị nội bộ Công ty phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- HĐQT sẽ giám sát và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành Công ty để có định hướng phát triển phù hợp, hỗ trợ kịp thời trong việc thực hiện chiến lược kinh doanh và nâng cao khả năng quản trị của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Interfood.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban điều hành.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Michio Nagabayashi	Chủ tịch	16/03/2015	4/4	100%	Hết nhiệm kỳ từ ngày 16/03/2015
2	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	15/08/2006	12/12	100%	
3	Ông Hiroshi Fujikawa	Thành viên	09/04/2015	7/7	100%	Hết nhiệm kỳ từ ngày 09/04/2015
4	Ông Toru Yamasaki	Thành viên	12/04/2012	12/12	100%	Được bổ nhiệm làm chủ tịch HĐQT từ ngày 09/04/2015
5	Ông Takayuki Morisawa	Thành viên	11/12/2013	12/12	100%	
6	Ông Hajime Kobayashi	Thành viên	09/04/2015	5/5	100%	Được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT từ ngày 09/04/2015
7	Ông Hirotugu Otani	Thành viên	09/04/2015	5/5	100%	Được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT từ ngày 9/4/2015

1.2 Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc của Công ty trong năm 2015 như sau:

▪ Phương thức giám sát

- Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hoặc khi cần thiết, trao đổi và thảo luận trực tiếp hoặc bằng các phương tiện thông tin liên lạc như điện thoại và thư điện tử.

- Thông qua các báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD và Ban Giám đốc về tiến độ thực hiện, cũng như những khó khăn, vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban điều hành.

▪ **Nội dung giám sát**

Giám sát và đánh giá mức độ hiệu quả của TGD và Ban Giám đốc trong hoạt động điều hành, tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT, các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư đã được phê duyệt.

▪ **Kết quả giám sát**

- TGD và Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định của Công ty.
- Dưới sự chỉ đạo của TGD và Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện các hoạt động kinh doanh theo mục tiêu đề ra, tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.
- Ngoài ra, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2015; điều chỉnh Điều lệ Công ty và ban hành Quy chế quản trị Công ty; thực hiện tăng vốn đầu tư, bổ sung mục tiêu hoạt động và tăng quy mô sản xuất; triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh theo đúng các quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

1.3 Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT đã tổ chức các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty; đảm bảo về số cuộc họp, các thành viên tham dự, trình tự thủ tục thông qua các quyết định theo đúng quy định.

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên, Công ty đã có sự phân công công việc giữa các thành viên HĐQT và bổ nhiệm Ban giám đốc với các thành viên chuyên trách về Kinh doanh, Tiếp thị, Tài chính, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ để hỗ trợ HĐQT trong việc quản lý và điều hành Công ty.

1.4 Các nghị quyết/quyết định của HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	RBM150126	26/01/2015	Chấp thuận nội dung Điều lệ Công ty 2015 thay cho Điều lệ Công ty 2013.
2	RBM150212	12/02/2015	Xác định thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2015; đề xuất được lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; phê duyệt nội dung Quy chế quản trị công ty 2015.
3	RBM150306	06/03/2015	Chấp thuận và đề xuất ĐHĐC chấp thuận việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (TGD) hiện tại và bổ nhiệm thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT kiêm TGD mới; bổ nhiệm người làm chủ tài khoản ngân hàng và chữ ký ủy quyền cho tất cả các giao dịch ngân hàng tại các tài khoản hiện có của Công ty và các chi nhánh phụ thuộc.
4	RBM150311	11/03/2015	Đề xuất ĐHĐCĐ thông qua dự thảo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014; kế hoạch kinh doanh 2015; việc không kê khai và trả thù lao, không kê khai và chia cổ tức năm 2014.

5	RBM150323	23/03/2015	Thông qua việc tái cơ cấu các thành viên Ban Giám đốc (BGĐ) nhiệm kỳ 2015 - 2017; chấp thuận và đề xuất ĐHCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT hiện tại và bổ nhiệm thành viên HĐQT mới; chấp thuận và đề xuất ĐHCĐ miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát (BKS) hiện tại và bổ nhiệm thành viên BKS mới; đề xuất ĐHCĐ chấp thuận việc tăng vốn điều lệ, sửa đổi Điều lệ; và điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư Công ty tương ứng với việc tăng vốn.
6	RBM150331	31/03/2015	Thanh lý tài sản không cần sử dụng có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính của Công ty.
7	RBM150402	02/04/2015	Chấp thuận việc thay đổi đề cử thành viên Ban kiểm soát của Kirin Holdings Company, Limited.
8	RBM150511	11/05/2015	Phê duyệt cơ cấu Ban Giám đốc công ty nhiệm kỳ 2015 – 2017 và bổ nhiệm Thư ký Công ty.
9	RBM150803	03/08/2015	Điều chỉnh thông tin cá nhân của ông Toru Yamasaki - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD.
10	RBM150930	30/09/2015	Thay đổi chức vụ của các thành viên BGĐ và cơ cấu BGĐ Công ty nhiệm kỳ 2015-2017.
11	RMB151104	04/11/2015	Chấp thuận nội dung Ma trận phê duyệt của Công ty có hiệu lực từ ngày 04/11/2015.
12	RMB151120	20/11/2015	Chấp thuận phát hành 16.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần của Công ty cho nhà đầu tư có đủ điều kiện là Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd.

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1 Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Thái Thu Thảo	Trưởng BKS	12/04/2012	2/2	100%	
2	Ông Yasuhiro Oki	Thành viên	09/04/2015	2/2	100%	
3	Ông Akira Shimizu	Thành viên	10/09/2013	2/2	100%	

2.2 Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và Cổ đông

Giám sát HĐQT, TGD và BGĐ trong việc quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định Công ty.

- Kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty; và cảnh báo sớm của công ty.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý; Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

2.3 Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Tham dự cuộc họp và/hoặc tham gia thảo luận trong các cuộc họp HĐQT.
- Phối hợp với HĐQT trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban Giám đốc.

3. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

3.1 Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ	Số tiền (USD)	Ghi chú
1	Ông Michio Nagabayashi	Chủ tịch	14.516	Phí biệt phái (01/01/2015 - 15/03/2015)
2	Ông Toru Yamasaki	Chủ tịch	54.000	Phí biệt phái (16/03/2015 - 31/12/2015)
2	Ông Takayuki Morisawa	Thành viên	48.000	Phí biệt phái (01/01/2015 - 31/12/2015)
2	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên	82.330	Lương và phụ cấp (01/01/2015 - 31/12/2015)
	Tổng		198.846	

Ghi chú:

Phí biệt phái là khoản thanh toán của Công ty cho Kirin Holdings Company, Limited theo hợp đồng biệt phái, không trực tiếp chi trả cho các thành viên liên quan.

3.2 Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát: Không

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người có liên quan

- **Phát hành cổ phần riêng lẻ:** IFS đã phát hành 16 triệu cổ phần mệnh giá 10.000 VND/cổ phần theo hình thức phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư đủ điều kiện là Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd. (“KHSPL”) để tăng vốn điều lệ từ 711.409.920.000 VND lên 871.409.920.000 VND.
 - Thời điểm giao dịch: 12/2015
 - Số lượng cổ phần đã giao dịch: 16.000.000 cổ phần
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ sau khi giao dịch: 16.000.000 cổ phần (18,36%)
- **Chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn:** Để thống nhất cơ cấu quản lý các công ty con trong Tập đoàn Kirin tại khu vực Đông Nam Á, trong năm 2015, Kirin Holdings Company, Limited (KH) đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của KH tại IFS cho KHSPL.
 - Thời điểm giao dịch: 12/2015
 - Số lượng cổ phần đã giao dịch: 67.320.282 cổ phần
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ sau khi giao dịch: 83,360.282 cổ phần (95,66%)

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015 (ĐÍNH KÈM)

- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ



TORU YAMASAKI

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033000328 (điều chỉnh lần 1) ngày 28 tháng 11 năm 2007
472033000328 (điều chỉnh lần 2) ngày 20 tháng 5 năm 2010
472033000328 (điều chỉnh lần 3) ngày 22 tháng 4 năm 2011
472033000328 (điều chỉnh lần 4) ngày 18 tháng 10 năm 2011
472033000328 (điều chỉnh lần 5) ngày 14 tháng 5 năm 2014
472033000328 (điều chỉnh lần 6) ngày 30 tháng 12 năm 2015
6525867086 (điều chỉnh lần 7) ngày 5 tháng 2 năm 2016

Giấy phép Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Đầu tư số 270CPH/GCNDĐC3-BHK ngày 23 tháng 8 năm 2006. Giấy phép Đầu tư và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị trong 50 năm.

Các Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Toru Yamasaki	Chủ tịch
	Hajime Kobayashi	Thành viên (từ ngày 9 tháng 4 năm 2015)
	Hirotsugu Otani	Thành viên (từ ngày 9 tháng 4 năm 2015)
	Hiroshi Fujikawa	Thành viên (đến ngày 9 tháng 4 năm 2015)
	Nguyễn Thị Kim Liên Takayuki Morisawa	Thành viên Thành viên

Ban Giám đốc	Toru Yamasaki	Tổng Giám đốc
	Yoshihisa Fujiwara	Giám đốc/Giám đốc Nhà máy
	Takayuki Morisawa	Giám đốc/Giám đốc Hành chính
	Nguyễn Thị Kim Liên	Giám đốc/Giám đốc Kiểm soát Nội bộ
	Taiichiro Iizumi Yutaka Ogami	Giám đốc/Giám đốc Bán hàng Giám đốc/Giám đốc Tài chính

Trụ sở đăng ký Lô 13, Khu Công nghiệp Tam Phước
Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỰC PHẨM
QUỐC TẾ
Tôru Yamasaki
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-284




Phan Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000 Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		383.161.036	339.000.879
Tiền	110	6	172.435.846	114.345.439
Tiền	111		172.435.846	114.345.439
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.263.656	42.521.295
Phải thu của khách hàng	131	7	22.218.569	36.547.087
Trả trước cho người bán	132		5.543.647	6.948.340
Phải thu ngắn hạn khác	136		797.532	1.071.336
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.296.092)	(2.045.468)
Hàng tồn kho	140	9	183.485.382	179.430.711
Hàng tồn kho	141		185.404.269	182.865.732
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.918.887)	(3.435.021)
Tài sản ngắn hạn khác	150		976.152	2.703.434
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		902.241	2.703.434
Thuế phải thu Nhà nước	153		73.911	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		291.472.732	325.011.033
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.575.362	1.561.502
Phải thu dài hạn khác	216		1.575.362	1.561.502
Tài sản cố định	220		255.929.850	288.049.130
Tài sản cố định hữu hình	221	10	246.168.681	279.095.084
Nguyên giá	222		609.272.533	607.104.916
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(363.103.852)	(328.009.832)
Tài sản cố định vô hình	227	11	9.761.169	8.954.046
Nguyên giá	228		12.913.118	10.815.193
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.151.949)	(1.861.147)
Tài sản dở dang dài hạn	240		189.670	1.990.465
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	189.670	1.990.465
Tài sản dài hạn khác	260		33.777.850	33.409.936
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	33.777.850	33.409.936
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		674.633.768	664.011.912

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN					
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		509.554.905	562.725.468	
Nợ ngắn hạn	310		356.330.596	416.900.346	
Phải trả người bán	311	14	73.591.149	97.422.844	
Người mua trả tiền trước	312		3.116.598	3.316.859	
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	10.444.482	5.840.145	
Phải trả người lao động	314		10.591.749	10.167.951	
Chi phí phải trả	315	16	76.511.785	53.415.552	
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.754.833	866.995	
Vay ngắn hạn	320	18(a)	180.320.000	245.870.000	
Nợ dài hạn	330		153.224.309	145.825.122	
Vay dài hạn	338	18(b)	146.510.000	138.970.000	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	4.170.398	3.778.777	
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	2.543.911	3.076.345	
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		165.078.863	101.286.444	
Vốn chủ sở hữu	410	21	165.078.863	101.286.444	
Vốn cổ phần	411	22	871.409.840	711.409.840	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		871.409.840	711.409.840	
Thặng dư vốn cổ phần	412		85.035.704	85.035.704	
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	23	57.498.796	57.498.796	
Lỗi lũy kế	421		(852.821.119)	(756.134.004)	
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(756.134.004)	(579.228.333)	
- Lỗi năm nay	421b		(96.687.115)	(176.905.671)	
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.955.642	3.476.108	
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		674.633.768	664.011.912	

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Toru Yamasaki
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND'000	2014 VND'000
			Đã phân loại lại	
Doanh thu bán hàng	01	25	1.318.402.242	1.188.164.969
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	38.218.537	38.707.794
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	1.280.183.705	1.149.457.175
Giá vốn hàng bán	11	26	941.763.989	889.318.885
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		338.419.716	260.138.290
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	17.537.953	10.225.704
Chi phí tài chính	22	28	43.683.496	23.881.901
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.933.545	6.959.861
Chi phí bán hàng	25	29	360.120.414	393.315.759
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	41.476.966	34.010.542
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(89.323.207)	(180.844.208)
Thu nhập khác	31	31	6.556.299	7.841.201
Chi phí khác	32	32	10.321.381	3.451.671
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(3.765.082)	4.389.530
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(93.088.289)	(176.454.678)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	2.727.671	-
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	34	391.621	(40.234)
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(96.207.581)	(176.414.444)

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND'000	2014 VND'000 Đã phân loại lại
Lỗ sau thuế TNDN	60		(96.207.581)	(176.414.444)
Phân bổ:				
Lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty	61		(96.687.115)	(176.905.671)
Lợi nhuận thuộc về cổ đông không kiểm soát	62		479.534	491.227
Lỗ trên cổ phiếu				
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (bằng VND)	70	35	(1.352)	(3.468)

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Toru Yamasaki
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND'000	2014 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	01		(93.088.289)	(176.454.678)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		38.381.229	38.192.612
Các khoản dự phòng	03		11.618.253	3.435.021
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.750.685	4.900.524
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(976.747)	(259.296)
Chi phí lãi vay	06		5.933.545	6.959.861
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(23.381.324)	(123.225.956)
Biến động các khoản phải thu	09		13.836.193	(13.970.952)
Biến động hàng tồn kho	10		(13.295.688)	(2.442.325)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		4.458.796	49.536.935
Biến động chi phí trả trước	12		1.433.279	(2.521.907)
			(16.948.744)	(92.624.205)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.922.380)	(7.928.475)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.727.671)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(55.039)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(25.598.795)	(100.607.719)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.662.888)	(9.253.971)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		645.455	547.273
Tiền thu lãi tiền gửi	27		386.635	335.798
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(3.630.798)	(8.370.900)

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND'000	2014 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		160.000.000	210.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		77.250.000	126.945.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(149.930.000)	(210.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		87.320.000	126.145.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		58.090.407	17.166.381
Tiền đầu năm	60		114.345.439	97.180.048
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		-	(990)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	172.435.846	114.345.439

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Taka Yamasaki
 Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty nắm giữ 90,4% lợi ích vốn trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava (“Avafood”). Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con, Avafood (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 61/UBCK-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Theo Thông báo số 395/2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được hủy niêm yết kể từ ngày 3 tháng 5 năm 2013 và sau đó được giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản và thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm; sản xuất các loại bánh và thức ăn nhẹ; chế biến nước trái cây có ga và không ga, chế biến nước giải khát không ga và có ga có độ cồn thấp hoặc không có cồn (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước uống tinh khiết; sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát; và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các hoạt động chính của Avafood là cung cấp dịch vụ chế biến và sản xuất các sản phẩm bao gồm nước trái cây, nước giải khát, nước tinh khiết; bánh, mứt và kẹo, thức ăn nhẹ; các loại sản phẩm nông sản, thủy sản và chăn nuôi; cho thuê nhà xưởng, văn phòng; và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của công ty theo Giấy phép Đầu tư số 48/GP-ĐN do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19 tháng 7 năm 2002.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 1.422 nhân viên (1/1/2015: 1.539 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ sau thuế trong năm của Tập đoàn là 96.208 triệu VND (2014: 176.414 triệu VND). Hơn nữa, Tập đoàn có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 18). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào việc Tập đoàn tạo đủ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tài chính nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản chi phí hoạt động và việc cổ đông lớn cấp cao nhất tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính khi cần thiết nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Tập đoàn có hạn mức vay ngắn hạn chưa sử dụng là 17,5 triệu USD được sử dụng để thanh toán các khoản chi phí hoạt động và không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng cổ đông lớn cấp cao nhất này sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam được làm tròn đến hàng nghìn (“VND’000”).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(b)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là một đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tập đoàn gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (nợ phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc áp dụng chính sách kế toán này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 6 – 30 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 6 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.

(ii) Chi phí nâng cấp

Chi phí nâng cấp được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ ngày hoàn tất việc nâng cấp.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iv) Chi phí bảo hiểm và chi phí thuê

Chi phí bảo hiểm và chi phí thuê được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng thuê.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Quỹ hợp nhất kinh doanh

Phần chênh lệch giữa khoản thanh toán cho việc mua lại với giá trị tài sản và nợ phải trả thuần của bên được mua trong hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung, được ghi nhận như là quỹ hợp nhất kinh doanh trong quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu vì Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phận có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh thực phẩm và nước giải khát và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Tiền mặt	161.043	173.776
Tiền gửi ngân hàng	172.274.803	114.171.663
	172.435.846	114.345.439

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	5.042.063	4.298.327
Công ty TNHH Dịch vụ EB	4.075.204	3.944.174
Các khách hàng khác	13.101.302	28.304.586
	22.218.569	36.547.087

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Ngắn hạn	22.218.569	36.547.087

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2015 VND'000	2014 VND'000
Số dư đầu năm	2.045.468	2.045.468
Tăng dự phòng trong năm	2.341.472	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(2.090.848)	-
Số dư cuối năm	2.296.092	2.045.468

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000
Hàng mua đang đi đường	790.291	-	-	-
Nguyên vật liệu	39.684.219	-	52.314.741	(2.609.907)
Công cụ và dụng cụ	9.712.514	-	10.882.858	-
Sản phẩm dở dang	4.646.405	-	13.602.577	-
Thành phẩm	130.570.840	(1.918.887)	106.065.556	(825.114)
	185.404.269	(1.918.887)	182.865.732	(3.435.021)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 14.207 triệu VND thành phẩm (1/1/2015: không) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2015 VND'000	2014 VND'000
Số dư đầu năm	3.435.021	-
Tăng dự phòng trong năm	9.241.017	3.435.021
Sử dụng dự phòng trong năm	(10.757.151)	-
Số dư cuối năm	1.918.887	3.435.021

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	116.703.036	475.041.079	9.916.896	5.443.905	607.104.916
Tăng trong năm	-	1.270.315	110.000	312.937	1.693.252
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	425.096	2.053.199	-	47.820	2.526.115
Thanh lý	-	-	(2.051.750)	-	(2.051.750)
Số dư cuối năm	117.128.132	478.364.593	7.975.146	5.804.662	609.272.533
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	27.980.435	289.323.730	7.227.510	3.478.157	328.009.832
Khấu hao trong năm	4.042.109	31.682.465	695.305	670.548	37.090.427
Thanh lý	-	-	(1.996.407)	-	(1.996.407)
Số dư cuối năm	32.022.544	321.006.195	5.926.408	4.148.705	363.103.852
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	88.722.601	185.717.349	2.689.386	1.965.748	279.095.084
Số dư cuối năm	85.105.588	157.358.398	2.048.738	1.655.957	246.168.681

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 61.681 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 26.515 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 33.602 triệu VND (1/1/2015: 14.455 triệu VND).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND'000
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	10.815.193
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.097.925
	12.913.118
Số dư cuối năm	
	12.913.118
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.861.147
Khấu hao trong năm	1.290.802
	3.151.949
Số dư cuối năm	
	3.151.949
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	8.954.046
Số dư cuối năm	9.761.169

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND'000	2014 VND'000
Số dư đầu năm	1.990.465	2.731.811
Tăng trong năm	2.823.245	5.023.285
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.526.115)	(5.726.831)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.097.925)	(37.800)
	189.670	1.990.465
Số dư cuối năm	189.670	1.990.465

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND'000	Chi phí nâng cấp VND'000	Công cụ và dụng cụ VND'000	Chi phí bảo hiểm VND'000	Chi phí thuê VND'000	Tổng VND'000
Số dư đầu năm	26.964.009	4.310.399	2.135.528	-	-	33.409.936
Tăng trong năm	-	2.933.761	2.217.247	497.276	2.344.425	7.992.709
Phân bổ trong năm	(694.999)	(2.553.083)	(1.856.997)	(217.126)	(2.302.590)	(7.624.795)
Số dư cuối năm	26.269.010	4.691.077	2.495.778	280.150	41.835	33.777.850

14. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đồng Nai	23.567.042	23.567.042	-	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hoa Lâm	7.034.398	7.034.398	-	-
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam	4.272.267	4.272.267	38.979.224	38.979.224
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	3.388.779	3.388.779	10.810.785	10.810.785
Các nhà cung cấp khác	35.328.663	35.328.663	47.632.835	47.632.835
	73.591.149	73.591.149	97.422.844	97.422.844

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Ngắn hạn	73.591.149	73.591.149	97.422.844	97.422.844

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam, một bên liên quan	4.272.267	4.272.267	38.979.224	38.979.224

Khoản phải trả cho Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam phản ánh khoản phí gia công phải trả, không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND'000	Số phải nộp trong năm VND'000	Số đã cần trừ trong năm VND'000	Số đã nộp trong năm VND'000	31/12/2015 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	5.448.172	129.530.013	(99.639.311)	(25.117.509)	10.221.365
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.727.671	-	(2.727.671)	-
Thuế thu nhập cá nhân	311.156	3.148.845	-	(3.240.533)	219.468
Các loại thuế khác	80.817	2.864.784	-	(2.941.952)	3.649
	5.840.145	138.271.313	(99.639.311)	(34.027.665)	10.444.482

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/EN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Chiết khấu và hoa hồng bán hàng	21.522.323	15.373.539
Chi phí khuyến mãi	25.292.954	8.835.982
Chi phí vận chuyển	6.000.705	7.920.713
Chi phí đặc phái nhân viên phải trả (*)	5.470.153	4.742.113
Chi phí lãi vay phải trả	2.179.737	2.168.572
Chi phí khác	16.045.913	14.374.633
	76.511.785	53.415.552

(*) Theo Hợp đồng đặc phái nhân viên ngày 1 tháng 7 năm 2011, Tập đoàn đã đồng ý trả phí đặc phái nhân viên cho Kirin Holdings Company, Limited, một bên liên quan, là đơn vị đã cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược và quản trị doanh nghiệp và hỗ trợ cho Tập đoàn với một mức phí cố định được quy định trong hợp đồng cho từng nhân viên cụ thể.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Phải trả phi thương mại cho một bên liên quan	852.501	-
Cổ tức phải trả	505.391	505.391
Phải trả khác	396.941	361.604
	1.754.833	866.995

Khoản phải trả phi thương mại cho một bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
Khoản vay không được đảm bảo từ Kirin Holdings Company, Limited	USD	1,896%	2017	146.510.000	138.970.000

Khoản vay này không được đảm bảo, chịu lãi suất năm cố định là 1,896% trong năm (2014: 1,896%), là lãi suất được xác định dựa trên cơ sở lãi suất USD Swap Semi 30/360 5 năm cộng 0,8% một năm theo nguyên tắc tài chính hiện hành của Tập đoàn Kirin.

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận liên quan đến các chênh lệch tạm thời phát sinh từ việc khấu hao tài sản cố định.

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	79.427.763	15.885.553	57.434.153	12.635.514
Lỗ tính thuế	118.282.854	23.728.737	55.323.290	12.171.124
	197.710.617	39.614.290	112.757.443	24.806.638

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND'000
2017	Chưa quyết toán	11.692.311
2019	Chưa quyết toán	37.786.831
2020	Chưa quyết toán	68.803.712
		118.282.854

Theo các quy định thuế hiện hành các chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

20. Dự phòng dài hạn

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND'000
Số dư đầu năm	3.076.345
Dự phòng lập trong năm	35.764
Dự phòng sử dụng trong năm	(568.198)
Số dư cuối năm	2.543.911

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND'000	Lỗ lũy kế VND'000	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND'000	Tổng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	591.443.888	85.035.704	(32.535.252)	(579.228.333)	2.984.881	67.700.888
Vốn cổ phần đã phát hành (Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	210.000.000	-	-	-	-	210.000.000
Phân loại lại	(90.034.048)	-	90.034.048	(176.905.671)	491.227	(176.414.444)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	711.409.840	85.035.704	57.498.796	(756.134.004)	3.476.108	101.286.444
Vốn cổ phần đã phát hành (Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	160.000.000	-	-	-	-	160.000.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	871.409.840	85.035.704	57.498.796	(852.821.119)	3.955.642	165.078.863

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND'000	Số cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	87.140.992	871.409.920	71.140.992	711.409.920
<hr/>				
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	87.140.984	871.409.840	71.140.984	711.409.840

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số cổ phiếu	VND'000	Số cổ phiếu	VND'000
Số dư đầu năm	71.140.984	711.409.840	50.140.984	501.409.840
Cổ phiếu phát hành trong năm	16.000.000	160.000.000	21.000.000	210.000.000
<hr/>				
Số dư cuối năm	87.140.984	871.409.840	71.140.984	711.409.840

23. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (i)	(32.535.252)	(32.535.252)
Quỹ khác (ii)	90.034.048	90.034.048
<hr/>		
	57.498.796	57.498.796

- (i) Trong năm 2007, Công ty đã mua lại 90,4% vốn cổ phần của Avafood trong một giao dịch hợp nhất kinh doanh có liên quan đến các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung. Khoản này phản ánh chênh lệch giữa tổng thanh toán cho việc mua lại với giá trị tài sản và nợ phải trả thuần của Avafood được phân bổ cho Tập đoàn tại ngày mua.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013, Công ty đã thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán từ Đô la Mỹ (“USD”) sang Đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với các quy định trong Thông tư số 244/2010/TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009. Theo đó, toàn bộ số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái là 1 USD đổi 20.828 VND. Khoản chênh lệch giữa giá trị được quy đổi và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông là 90.034.048.000 VND được trình bày trong quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Trong vòng một năm	7.005.674	3.331.765
Trong vòng hai đến năm năm	10.056.987	1.135.397
	17.062.661	4.467.162

(b) Ngoại tệ

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND'000	Nguyên tệ	Tương đương VND'000
USD	1.120.316	25.151.090	2.229.236	47.661.063
EUR	339	8.291	350	8.938
		25.159.381		47.670.001

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu từ nước giải khát	1.151.774.724	1.027.224.926
▪ Doanh thu từ bánh	10.625.268	22.852.895
▪ Doanh thu từ các sản phẩm khác	153.875.639	135.841.200
▪ Doanh thu từ bán phế liệu	2.126.611	2.245.948
	1.318.402.242	1.188.164.969
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	37.370.580	34.815.472
▪ Hàng bán bị trả lại	847.957	3.892.322
	38.218.537	38.707.794
Doanh thu thuần	1.280.183.705	1.149.457.175

26. Giá vốn hàng bán

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Giá vốn của nước giải khát	845.289.291	754.340.647
▪ Giá vốn của bánh	14.775.791	25.771.590
▪ Giá vốn của các sản phẩm khác	81.698.907	109.206.648
	941.763.989	889.318.885

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	386.635	335.798
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	17.151.318	9.889.906
	17.537.953	10.225.704

28. Chi phí tài chính

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Chi phí lãi vay	5.933.545	6.959.861
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	37.749.951	16.922.040
	43.683.496	23.881.901

29. Chi phí bán hàng

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Chi phí nhân viên	163.973.427	133.135.610
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	87.223.620	151.812.914
Chi phí vận chuyển	86.301.552	87.587.479
Chi phí thuê	7.607.197	15.681.983
Chi phí khác	15.014.618	5.097.773
	360.120.414	393.315.759

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND'000	2014 VND'000
Chi phí nhân viên	15.389.946	14.677.895
Chi phí tư vấn	5.765.826	4.701.434
Chi phí thuê	2.791.031	3.678.629
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.517.059	3.173.956
Chi phí dự phòng	2.341.472	-
Chi phí khác	12.671.632	7.778.628
	41.476.966	34.010.542

31. Thu nhập khác

	2015 VND'000	2014 VND'000
Tiền bồi thường nhận được do nguyên vật liệu không đạt chuẩn	-	4.523.606
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	590.112	-
Thu nhập khác	5.966.187	3.317.595
	6.556.299	7.841.201

32. Chi phí khác

	2015 VND'000	2014 VND'000
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng	5.329.383	2.600.780
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	76.502
Các khoản phạt thuế	3.495.646	2.576
Chi phí khác	1.496.352	771.813
	10.321.381	3.451.671

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	659.990.981	619.669.008
Chi phí nhân công và nhân viên	235.841.385	195.481.680
Chi phí khấu hao	38.381.229	38.192.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	530.362.350	456.494.815
Chi phí khác	30.351.869	9.407.851

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.727.671	-
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	391.621	418.047
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	(458.281)
	391.621	(40.234)
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập	3.119.292	(40.234)

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND'000	2014 VND'000
Lỗi kế toán trước thuế	(93.088.289)	(176.454.678)
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn	(20.479.423)	(38.820.029)
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.808.243	23.844.065
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	1.363.341
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	18.348.514	14.938.873
Lỗi tính thuế chưa được ghi nhận trước đây được sử dụng	(1.285.713)	(1.366.484)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.727.671	-
	3.119.292	(40.234)

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (1994). Do đó, từ năm 2006 trở đi Công ty phải nộp thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 25%.

Theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 (Nghị định này thay thế Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003), Công ty được hưởng ưu đãi thuế do việc dời địa điểm hoạt động kinh doanh về khu vực ngoại ô. Trong năm 2006, Công ty đã dời một trong các dây chuyền sản xuất từ Thành phố Biên Hòa ra Khu Công nghiệp Tam Phước, Thành phố Biên Hòa. Theo đó, lợi nhuận phát sinh từ dây chuyền sản xuất này sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 6 năm tiếp theo. Cũng theo Nghị định này, Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với các khoản đầu tư vào các dây chuyền sản xuất mới đủ điều kiện của Nghị định này. Khoản ưu đãi thuế này bao gồm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm tiếp theo cho lợi nhuận của các dây chuyền sản xuất mới này.

Theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (Nghị định này thay thế Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007) và Nghị định số 122/2011/ND-CP ngày 27 tháng 12 năm 2012 (cung cấp một số điều chỉnh đối với Nghị định số 124/2008/NĐ-CP), Công ty sẽ tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Theo Công văn số 11924/TC-CST do Bộ Tài Chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm sau khi niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã hoàn thành việc đăng ký với cơ quan thuế để được áp dụng các khoản ưu đãi thuế này bắt đầu từ năm 2007.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

(ii) Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Avafood có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ hoạt động sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây, nước giải khát, nước uống tinh khiết, bánh, mứt, bánh kẹo các loại, các loại sản phẩm nông sản, thủy sản, gia súc cho 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2006 đến năm 2018) và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 25% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Avafood được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2012) và giảm 50% thuế thu nhập trong 3 năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Avafood không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Avafood có doanh thu thì thời gian miễn giảm thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho lợi nhuận hàng năm từ dịch vụ gia công, hoạt động cho thuê nhà văn phòng và nhà xưởng được tính theo thuế suất của các quy định hiện hành (2015 và 2014: 22%).

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

35. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lỗ thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, được tính như sau:

(a) Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(96.687.115)	(176.905.671)

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	71.140.984	50.140.984
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành trong năm	350.685	863.014
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	71.491.669	51.003.998

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015	2014
	VND'000	VND'000
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Kirin Holding Company, Limited		
Vay ngắn hạn nhận được	77.250.000	126.945.000
Vốn cổ phần đã phát hành	-	210.000.000
Chi phí lãi vay	5.933.545	6.959.861
Phí đặc phái nhân viên	10.693.893	9.626.009
Các bên liên quan khác		
Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd		
Vốn cổ phần đã phát hành	160.000.000	-
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam		
Phí gia công	160.073.961	132.662.976
Mua dịch vụ	2.021.010	-
Bán hàng hóa	9.652	8.808
Ban Giám đốc		
Phí đặc phái nhân viên	5.709.669	4.198.548
Tiền lương	1.848.300	1.818.001

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	-	146.391
		146.391

38. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2015, Kirin Holdings Company, Limited đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd (“Kirin Singapore”), một bên liên quan để chuyển toàn bộ lợi ích trong Công ty cho Kirin Singapore. Việc chuyển nhượng cổ phần này đã hoàn tất sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

39. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 (đã phân loại lại) VND'000	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND'000
Phải thu ngắn hạn khác	1.071.336	578.895
Tài sản ngắn hạn khác	-	492.441
Phải thu dài hạn khác	1.561.502	-
Tài sản dài hạn khác	-	1.561.502
		1.561.502

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 (đã phân loại lại) VND'000	2014 (theo báo cáo trước đây) VND'000
Doanh thu bán hàng	1.188.164.969	1.185.919.021
Giá vốn hàng bán	889.318.885	833.364.938
Doanh thu hoạt động tài chính	10.225.704	10.267.773
Chi phí tài chính	23.881.901	23.923.970
Chi phí bán hàng	393.315.759	449.269.706
Thu nhập khác	7.841.201	10.634.422
Chi phí khác	3.451.671	3.998.944

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Foru Yamasaki
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood)

Lô 13, KCN Tam Phước, Xã Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai - Tel: 061.3511138 - Fax: 061.3512498

Website: www.wonderfarmonline.com